

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KSTT

Tây Sơn, ngày tháng 9 năm 2023

V/v triển khai cập nhật kết quả
điện tử đối với hồ sơ chưa cập
kết quả điện tử hoặc cập kết
quả chưa đúng quy định

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn

Nhằm giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành chỉ tiêu trả kết quả bản điện tử trong năm 2023, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã bổ sung tính năng, cho phép các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật bổ sung kết quả điện tử đối với các hồ sơ đã giải quyết nhưng chưa trả bản điện tử hoặc đã trả kết quả điện tử nhưng chưa có giá trị sử dụng trên môi trường điện tử (chưa đúng theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ).

Theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Văn bản số 637/VPUBND-TTPVHCC ngày 25/9/2023 về việc triển khai cập nhật kết quả điện tử đối với hồ sơ chưa cập kết quả điện tử hoặc cập kết quả chưa đúng quy định. Do đó, để thực hiện có hiệu quả việc bổ sung kết quả điện tử đối với hồ sơ đã giải quyết xong trong năm 2023¹, UBND huyện trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Đăng ký danh sách công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình thực hiện việc cập nhật bổ sung kết quả bản điện tử, gửi về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND và UBND huyện) trước **ngày 29/9/2023** để báo cáo Văn phòng UBND tỉnh phân quyền. (*Mẫu đăng ký phụ lục 1*)

2. Chỉ đạo rà soát hồ sơ đã giải quyết xong nhưng chưa cập nhật kết quả điện tử hoặc cập nhật nhưng chưa đúng quy định, chưa có giá trị sử dụng trên môi trường điện tử. Trên cơ sở đó, tiến hành cập nhật bổ sung kết quả điện tử đối với những hồ sơ đã giải quyết trong năm 2023 nhưng chưa cập nhật kết quả điện tử hoặc cập nhật chưa đúng quy định (*có hướng dẫn kèm theo văn bản này*). Thời gian hoàn thành **trước ngày 20/12/2023** để Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đồng bộ lại hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (để không ảnh hưởng đến việc chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh).

Hồ sơ chưa trả kết quả bản điện tử hoặc trả chưa đúng năm 2023 được thống kê tại Phụ lục 2.

3. Kể từ **ngày 01/10/2023**, những hồ sơ không cập nhật kết quả điện tử hoặc cập nhật không đúng, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh sẽ có cảnh báo và đề nghị cập nhật theo đúng quy định trước khi chuyển bước đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Việc này có thể làm **trễ hạn** hồ

¹ Đối với các hồ sơ đã giải quyết xong từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/12/2022 cũng thực hiện tương tự

sơ, do đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần chỉ đạo, quán triệt thực hiện nghiêm túc việc cập nhật kết quả điện tử và gắn mã theo quy định trước khi chuyển trả kết quả.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND huyện (b/c);
- Bộ phận TN&TKQ huyện;
- Lãnh đạo VP+CV;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Mỹ

Phụ lục 1
Danh sách đăng ký phân quyền bổ sung
(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày /9/2023 của UBND huyện)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Địa chỉ email	Số điện thoại	Ghi chú
1					
2					
3					
4					

Lưu ý: Đối với cán bộ chưa có tài khoản trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại mục Ghi chú ghi: “**Đăng ký mới**”.

Phụ lục 2
Danh sách cấp kết quả điện tử của các cơ quan đơn vị
(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày /9/2023 của UBND huyện)

TT	Đơn vị	Hồ sơ đã giải quyết	Đã cấp kết quả điện tử	Chưa cấp kết quả điện tử/trả chưa đúng
I	Cấp tỉnh	45.644	15.724	29.920
1	Ban Quản lý khu kinh tế	332	290	42
2	Sở Công Thương	338	305	33
3	Sở Du lịch	183	162	21
4	Sở Giao thông vận tải	10.516	806	9.710
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	893	323	570
6	Sở Khoa học và Công nghệ	69	58	11
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.984	296	1.688
8	Sở Lao Động -TBXH	1.172	449	723
9	Sở Ngoại vụ	31	21	10
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	5.070	3.781	1.289
11	Sở Nội vụ	339	250	89
12	Sở Thông tin và Truyền thông	82	76	6
13	Sở Tài chính	74	56	18
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.781	3.080	7.701
15	Sở Tư pháp	10.416	2.796	7.620
16	Sở Văn hóa và Thể thao	269	208	61
17	Sở Xây dựng	1.566	1.238	328
18	Sở Y tế	1.529	1.529	0
II	Cấp huyện	94.515	35.574	58.941
1	Thành phố Quy Nhơn	17.881	7.840	10.041
2	Thị xã An Nhơn	11.246	8.282	2.964
3	Huyện Phù Cát	10.875	3.253	7.622
4	Huyện Phù Mỹ	8.079	183	7.896
5	Thị xã Hoài Nhơn	14.668	11.849	2.819
6	Huyện Hoài Ân	3.542	654	2.888

TT	Đơn vị	Hồ sơ đã giải quyết	Đã cấp kết quả điện tử	Chưa cấp kết quả điện tử/trả chưa đúng
7	Huyện An Lão	3.172	1.894	1.278
8	Huyện Tây Sơn	9.659	190	9.469
9	Huyện Vĩnh Thạnh	1.678	144	1.534
10	Huyện Tuy Phước	11.905	504	11.401
11	Huyện Vân Canh	1.810	781	1.029
III	Cấp xã	178.757	79.250	99.507
1	Thành phố Quy Nhơn	29.253	21.706	7.547
2	Thị xã An Nhơn	12.927	7.403	5.524
3	Huyện Phù Cát	28.702	15.493	13.209
4	Huyện Phù Mỹ	19.355	2.971	16.384
5	Thị xã Hoài Nhơn	19.281	18.085	1.196
6	Huyện Hoài Ân	9.006	535	8.471
7	Huyện An Lão	10.036	700	9.336
8	Huyện Tây Sơn	17.195	3.217	13.978
9	Huyện Vĩnh Thạnh	5.915	945	4.970
10	Huyện Tuy Phước	19.749	5.592	14.157
11	Huyện Vân Canh	7.338	2.603	4.735
Σ	Toàn tỉnh	318.916	130.548	161.440

Ghi chú : Số liệu thống kê từ ngày 01/01/2023 đến 31/8/2023